

Bài 10

CÔNG NGHIỆP HÓA - NHIỆM VỤ TRUNG TÂM CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. CÔNG NGHIỆP HÓA - CON ĐƯỜNG TẤT YẾU ĐỂ XÂY DỰNG XÃ HỘI MỚI

1. Nhiệm vụ xây dựng, phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và sự cần thiết tiến hành công nghiệp hoá

Để có một xã hội như ngày nay không phải do tự nhiên có mà do quá trình tích lũy về lượng ngay từ khi loài người xuất hiện. Trong thời kỳ sản xuất thô sơ, đời sống không ổn định, cơ sở vật chất hầu như không có gì nhưng trải qua sự nỗ lực của con người tác động vào giới tự nhiên, cải biến nó thông qua lao động, trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, giờ đây con người đã tạo ra được những thành công đáng kể. Thành tựu đạt được là do quy luật phát triển tự thân vận động của con người trong toàn xã hội. Ngày nay công cuộc xây dựng các nước đã cố gắng rất nhiều trong cuộc cạnh tranh chạy đua về kinh tế. Thể hiện là các chính

sách, đường lối về phát triển kinh tế ngày một toàn diện hơn, về các mặt quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất, nền văn hoá và con người của xã hội đó. Công nghiệp hoá chính là con đường và bước đi tất yếu để tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền sản xuất hiện đại.

Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền sản xuất lớn hiện đại cũng là một quy luật chung, phổ biến đối với tất cả các nước. Tuy nhiên tùy từng nước khác nhau, do điểm xuất phát tiến lên khác nhau, mục tiêu phát triển không giống nhau nên cách thức tiến hành xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền sản xuất lớn, hiện đại không giống nhau. Đối với những nước có nền kinh tế kém phát triển như nước ta (nền sản xuất nhỏ, kỹ thuật thủ công là chủ yếu...), công nghiệp hoá là quá trình mang tính quy luật, tất yếu để tồn tại và phát triển nhằm tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền sản xuất lớn hiện đại.

Thực hiện công nghiệp hoá giúp chúng ta:

- Xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Tiến hành tái sản xuất mở rộng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tích lũy về lượng mới để xây dựng thành công nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường phát triển lực lượng giai cấp công nhân.

- Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc, xây dựng con người mới.

Như vậy công nghiệp hoá là xu hướng mang tính quy luật của các nước đi từ một nền sản xuất nhỏ sang nền sản xuất lớn.

Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Để thực hiện mục tiêu trên, ở mỗi thời kỳ phải đạt được những mục tiêu cụ thể. Đại hội X xác định mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đến Đại hội XI, Đảng ta tiếp tục khẳng định: "Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường"¹, với mục tiêu "*Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*"², vì "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

2. Nội dung của công nghiệp hóa ở nước ta

Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sổd*, tr.72, 71.

lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng. Đầu tư vào các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ ngày càng cao và các giải pháp đổi mới công nghệ, chế tạo sản phẩm mới... Phát triển đa dạng các ngành, nghề, tạo thuận lợi để người lao động học tập, nâng cao trình độ, tay nghề. Phát huy tiềm lực khoa học, công nghệ, phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng cho một nước công nghiệp.

Xây dựng nền công nghiệp theo hướng phát triển mạnh những ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển. Phát triển những ngành cơ khí chế tạo, sản xuất máy móc, thiết bị thay thế nhập khẩu cho công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng; công nghiệp công nghệ cao sản xuất linh kiện điện tử, máy tính, công nghiệp dầu khí, điện, than, khai khoáng, hoá chất, luyện thép, xi măng, phân đạm..., công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp quốc phòng, an ninh với trình độ công nghệ ngày càng cao, sạch, tiêu tốn ít nguyên liệu, năng lượng, tăng sức cạnh tranh và giá trị gia tăng.

Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt là công nghiệp sản xuất trang thiết bị, máy móc làm đất, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông - lâm - thuỷ sản, sản phẩm xuất khẩu; sản xuất phân bón, thức ăn cho chăn nuôi và thuốc bảo vệ động, thực vật...

Phát triển công nghiệp xây dựng và công nghiệp sử dụng nhiều lao động. Phát triển thiết bị nâng đỡ, bốc xếp ở các cảng biển, sân bay, sản xuất ô tô, đầu máy, toa xe, các phương tiện vận tải nặng, các tàu vận tải biển và sông;

máy móc thi công cầu, đường, sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu xây dựng chất lượng cao, thiết bị điện và thiết bị viễn thông. Nâng cao trình độ thiết kế, quy hoạch, chất lượng xây dựng; hiện đại hoá công nghiệp xây dựng đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và đấu thầu quốc tế.

Phát triển năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm công nghiệp có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, nhất là các máy điều khiển kỹ thuật số, hệ thống tự động hoá, hình thành các viện công nghệ công nghiệp, viện công nghệ thăm dò và khai thác khoáng sản, viện công nghệ nông nghiệp, phục vụ việc nghiên cứu, phát minh, sáng chế kỹ thuật, công nghệ; gắn kết các cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo với các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Quy hoạch sản xuất công nghiệp trên các vùng; phát triển các khu, cụm công nghiệp và phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm, tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn; xây dựng các khu công nghệ cao; hình thành và phát triển các khu kinh tế tổng hợp ven biển và các khu kinh tế cửa khẩu.

Phát triển công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Phát triển và hiện đại hoá các dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, thương mại, du lịch, vận tải, dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp. Quy hoạch hệ thống kết

cầu hạ tầng. Phát triển và đầu tư cho các *công trình kết cấu hạ tầng kinh tế* theo hướng hiện đại ở các vùng động lực phát triển, các khu công nghệ cao, các khu công nghiệp, khu kinh tế. Xây dựng mạng lưới giao thông thiết yếu, đường ven biển, đường vành đai biên giới. Hiện đại hoá sân bay, cảng biển và tuyến đường bộ trọng yếu. Hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị, giải quyết tình trạng ách tắc giao thông đô thị. Phát triển hệ thống vận tải địa phương.

Phát triển nhanh nguồn điện bảo đảm đủ điện cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Hiện đại hoá bưu chính - viễn thông và hạ tầng công nghệ thông tin đủ sức bảo đảm nhu cầu phát triển. Xây dựng các công trình thuỷ lợi đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới tiêu cho các loại cây trồng; xây dựng hồ chứa nước, hệ thống đê sông, đê biển. Phát triển hệ thống cung cấp đủ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp và dân cư nông thôn.

Xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, nước, khí thải và các công trình bảo vệ môi trường.

Phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, hình thành và phát huy vai trò các trung tâm đô thị lớn và các khu công nghiệp, khu kinh tế. Sử dụng quỹ đất tiết kiệm trên cơ sở phát triển kinh tế theo chiều sâu, tận dụng chiều cao không gian. Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, phát triển các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, thâm canh, các khu nông nghiệp công nghệ cao, gắn với

công nghiệp bảo quản, chế biến. Khai thác tiềm năng thủy điện, khoáng sản, phát triển thủy lợi kết hợp với thủy điện; sử dụng đất nông, lâm nghiệp, hình thành các vùng sản xuất lớn cây công nghiệp, cây ăn quả, rừng nguyên liệu và chăn nuôi.

Xây dựng hệ thống cảng biển, các khu công nghiệp, khu kinh tế, đô thị ven biển gắn với phát triển công nghiệp đóng và sửa chữa tàu, khai thác, chế biến tài nguyên, khoáng sản, vận tải biển, du lịch biển. Phát triển kinh tế đảo, khai thác hải sản gắn với tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

Đưa công nghiệp và dịch vụ về nông thôn để hạn chế tình trạng nông dân ra các thành phố, tình trạng trống vắng đô thị...

3. Các vấn đề đặt ra trong quá trình công nghiệp hóa

Quá trình công nghiệp hóa tất yếu dẫn đến sự hình thành và phát triển các ngành công nghiệp, các ngành nghề mới, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng, tỷ trọng ngành nông nghiệp ngày càng giảm. Điều này tất yếu dẫn đến hệ quả:

Thứ nhất, lao động nông nghiệp dôi dư; thiếu lao động công nghiệp, nhất là lao động qua đào tạo, lao động trình độ cao phục vụ các ngành công nghiệp hiện đại; tình trạng di chuyển lao động từ nông thôn ra thành phố; vấn đề an ninh lương thực xuất hiện do quỹ đất dành cho nông nghiệp ngày càng giảm; một bộ phận không nhỏ nông dân bị mất đất liên quan đến vấn đề an sinh xã hội và những hệ quả khác kèm theo, các tệ nạn xã hội...

Thứ hai, nhu cầu vốn, nguyên liệu, dịch vụ phục vụ công nghiệp hóa ngày càng tăng tất yếu dẫn đến hình thành các kênh thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài, hình thành các hoạt động dịch vụ mới... cùng các hệ quả khác như khai thác tài nguyên bờ biển, buôn lậu, v.v..

Thứ ba, năng suất lao động xã hội tăng, đồng thời xuất hiện tình trạng chênh lệch thu nhập, dẫn đến phân hóa giàu nghèo; sự hình thành các cụm, khu công nghiệp, sự đô thị hóa, hình thành các khu tập trung dân cư lớn... dẫn đến sự thay đổi lối sống trong xã hội, hệ giá trị thay đổi... Bên cạnh đời sống vật chất và tinh thần, tính kỷ luật, kỷ cương tăng lên là các tệ nạn xã hội khác.

Thứ tư, quá trình công nghiệp hóa, nhất là ở giai đoạn đầu, luôn luôn kèm theo tình trạng ô nhiễm môi trường do khói bụi của các nhà máy xí nghiệp gây ra, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người; ô nhiễm nguồn nước; tiêu thụ điện năng tăng lên, tăng lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính làm cho trái đất ngày càng nóng lên, bão lũ nhiều hơn, nước biển dâng cao, gây ngập trên diện rộng toàn cầu, trong khi những vùng khác thì bị hạn hán.

Thứ năm, trong quá trình công nghiệp hóa tất yếu phải giao việc quản lý vốn, tài sản xã hội cho một bộ phận cán bộ, công chức quản lý, dẫn đến nguy cơ tham nhũng.

Thứ sáu, công nghiệp hóa nói chung luôn gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động

sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội trong nông nghiệp và ở nông thôn từ lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện sản xuất và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, tạo ra năng suất lao động trong nông nghiệp ngày càng cao, làm thay đổi diện mạo của nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tác động mạnh mẽ và làm thay đổi nhiều mặt đối với nông nghiệp, nông thôn và nông dân:

- Làm thay đổi, biến dạng và chia nhỏ các đơn vị sản xuất nông nghiệp, các ngành công nghiệp khởi động và nhanh chóng chiếm chỗ các dư địa của sản xuất nông nghiệp, tỷ trọng của ngành nông nghiệp sẽ giảm sút, ngày càng nhỏ đi một cách tương đối.

- Sự phi nông hóa của người làm nông nghiệp, số lượng lao động trong các ngành phi nông nghiệp ngày càng tăng lên. Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sự phát triển của ngành công nghiệp và dịch vụ đã thu hút một lượng khá lớn lao động nông thôn.

- Văn minh đô thị ngày càng hấp dẫn người dân và những sản phẩm của đô thị từng bước tiến vào nông thôn, chế ngự nông thôn, làm cho bộ mặt nông thôn chuyển biến nhanh chóng.

Cùng với những thay đổi đó, các vấn đề xã hội phức tạp cũng nảy sinh ở nông thôn đòi hỏi phải được xử lý, giải quyết.

II. TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA Ở VIỆT NAM

1. Đặc điểm và các giai đoạn công nghiệp hóa ở nước ta

Quá trình cách mạng nước ta từ khi Đảng ta ra đời đến nay đã trải qua nhiều thời kỳ khác nhau: Thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); thời kỳ thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1945-1975); thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình kế hoạch hóa tập trung trên phạm vi cả nước (1975-1985); thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới (từ 1986 đến nay).

Dựa trên các mục tiêu mà các văn kiện Đại hội Đảng đề ra, có thể phân chia sự phát triển của nước ta từ sau Cách mạng Tháng Tám theo nội dung công nghiệp hóa thành các giai đoạn sau:

- Giai đoạn tiền công nghiệp hóa (1945 - 1960);
- Giai đoạn công nghiệp hóa "kiểu cũ" (1960 - 1985);
- Giai đoạn tạo tiền đề đầu tiên cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa hay công nghiệp hóa mới (1986 - 1996);
- Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại (1996 - 2020);
- Giai đoạn hoàn thiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước trở thành nước công nghiệp hiện đại (2020-2045). Sau năm 2045 là thời kỳ hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới (từ năm 1986) cũng được gọi là **thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế** vì từ khi thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đồng thời bắt đầu thực hiện từng bước đường lối hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Nếu xét về mặt "hội nhập quốc tế" thì từ Đại hội VI, Đảng ta bắt đầu đề ra và thực hiện đường lối đổi mới, trong đó có việc đổi mới quan hệ với các nước trên thế giới: "... nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế; trước hết và chủ yếu là mở rộng quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào và Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi"¹. Đại hội VII, Đảng ta đưa ra đường lối "Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước"² hay "Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình"³. Qua các kỳ Đại hội VIII, IX, Đảng ta tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước trên thế giới, tham gia ngày càng sâu vào phân công kinh tế quốc tế.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, tr.47, tr.415.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.57, tr.136, 144.

Đến Đại hội X, Đảng ta khẳng định chủ trương "Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế": "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực"¹.

Đến Đại hội XI, Đảng ta khẳng định chủ trương "**Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế**" thay cho "Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế": "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh"².

Nhận thức được rõ tính tất yếu phải thực hiện công nghiệp hoá trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, ngay từ những ngày đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đảng ta đã chỉ rõ: nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd*, tr. 112.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.235-236.

chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến.

Tuy nhiên, trên thực tế, lúc đó, nước ta đã tiến hành công nghiệp hoá theo kiểu cũ, khép kín, thiên về phát triển công nghiệp nặng, chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn viện trợ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em; xác định lực lượng chủ lực thực hiện công nghiệp hoá là Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, không phát huy vai trò của doanh nghiệp tư nhân; thị trường, khép kín. Kết quả con đường công nghiệp hoá đó đã không thành công: công nghiệp góp phần không lớn vào việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp và ngược lại, nền nông nghiệp trong nước với mô hình hợp tác hoá, cơ chế quản lý tập trung chỉ huy, bao cấp đã không tạo ra được năng suất, sản lượng cao, góp phần phục vụ nhu cầu của chính nông dân, lại thêm chiến tranh đã tiêu hao rất lớn các nguồn lực vật chất và con người. Sản phẩm nông nghiệp không những không đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp, mà ngay nông dân cũng phải dựa một phần vào viện trợ.

Công cuộc đổi mới đã tạo ra những tiền đề mới, con đường, cách thức mới cho quá trình công nghiệp hoá ở Việt Nam. Có thể khái quát những nhận thức mới của Đảng ta về tiền đề, về **con đường công nghiệp hoá mới** là:

- Công nghiệp hóa dựa vào nội lực là chính, trên cơ sở cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; giải phóng tối đa sức sản xuất, thực hiện Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

d

- Công nghiệp hóa gắn với thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, cùng có lợi, chủ động hội nhập với thế giới, tranh thủ mọi khả năng để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá.

- Công nghiệp hoá nhằm tăng trưởng và phát triển nền kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững; đồng thời tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế lại là điều kiện, là cơ sở để đẩy mạnh công nghiệp hoá. Công nghiệp hóa dựa trên những ngành, những lĩnh vực có lợi thế, có điều kiện để ưu tiên đầu tư phát triển chứ không nhất thiết phải ưu tiên cho công nghiệp nặng như trước đây.

- Công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của tất cả các ngành, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế; của cả thành thị và nông thôn, của trung ương và địa phương...

- Kết hợp vốn trong nước với vốn từ bên ngoài cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển giao công nghệ, tiếp nhận công nghệ hiện đại qua con đường thương mại và đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi một lượng vốn lớn, với một nền kinh tế còn nghèo, chưa có tích lũy từ nội bộ thì không thể có đủ vốn để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy phải dựa một phần quan trọng vào nguồn vốn từ bên ngoài, đồng thời huy động tối đa nguồn vốn trong

nước (trong các doanh nghiệp, trong nhân dân, cùng với nguồn vốn tập trung của Nhà nước) cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Huy động nguồn vốn bên ngoài một mặt vừa tạo ra cú hích cho sự chuyển động của nền kinh tế, mặt khác đó là nội dung kinh tế của việc tiếp nhận công nghệ và các cơ sở kinh doanh hiện đại vào nền kinh tế. Về lâu dài, khi nền kinh tế đã phát triển, vốn cho tái sản xuất mở rộng sẽ do chính nền kinh tế tạo ra, khi đó, không chỉ tiếp nhận vốn, mà còn có đầu tư vốn ra nước ngoài.

Trên cơ sở nội dung của công nghiệp hóa kiểu mới nêu trên, có thể xác định **đặc điểm của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế** như sau:

Một là, công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá và công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Trong kinh tế tri thức, sự sản sinh, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong nền kinh tế tri thức, những ngành kinh tế có tác động to lớn tới sự phát triển là những ngành dựa nhiều vào tri thức, dựa vào các thành tựu mới của khoa học, công nghệ. Đó là những ngành kinh tế mới dựa trên công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và cả những ngành kinh tế truyền thống như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ được ứng dụng khoa học, công nghệ cao.

Hai là, công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Khác với công nghiệp hoá ở thời kỳ trước đổi mới, công

ng nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới được tiến hành trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều thành phần kinh tế. Do đó, công nghiệp hoá, hiện đại hoá không phải chỉ là việc của Nhà nước mà là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế thị trường không những khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực trong nền kinh tế, mà còn sử dụng chúng có hiệu quả để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ba là, công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện tích cực và chủ động hội nhập quốc tế.

Hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại cho phép thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, thu hút công nghệ hiện đại, học hỏi kinh nghiệm quản lý tiên tiến của thế giới... Hội nhập quốc tế còn giúp khai thác thị trường thế giới để tiêu thụ các sản phẩm mà nước ta có nhiều lợi thế, có sức cạnh tranh cao. Nói cách khác, đó là việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để phát triển kinh tế nói chung và công nghiệp hoá, hiện đại hoá nói riêng nhanh hơn, hiệu quả hơn.

Bốn là, công nghiệp hoá, hiện đại hoá lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản, đồng thời bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Trong các yếu tố tham gia vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, yếu tố con người luôn được coi là yếu tố

cơ bản. Để phát triển nguồn lực con người đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cần đặc biệt chú ý phát triển giáo dục, đào tạo.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ, khoa học quản lý và đội ngũ công nhân lành nghề giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải đủ số lượng, cân đối về cơ cấu và trình độ, có khả năng nắm bắt và sử dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới và có khả năng sáng tạo công nghệ mới.

Năm là, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Khoa học và công nghệ có vai trò quyết định đến tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế nói chung. Muốn đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức thì phát triển khoa học và công nghệ là yêu cầu tất yếu và bức xúc. Phải đẩy mạnh việc chọn lọc nhập công nghệ, mua sáng chế, kết hợp với phát triển công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

Sáu là, công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải nhằm phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm thực hiện mục

tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, nhưng không chờ đến khi xây dựng xong chủ nghĩa mới thực hiện mục tiêu đó mà phải được kết hợp thực hiện ngay trong từng bước phát triển. Để thực hiện mục tiêu đó, trước hết kinh tế phải phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Chỉ có như vậy mới có khả năng xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa các vùng... Mục tiêu đó thể hiện sự phát triển vì con người, mọi con người đều được hưởng thành quả của phát triển.

Thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế có những đặc điểm cơ bản sau:

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước.

- Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới.

Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh

giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Tình hình đó tạo thời cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển.

- Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục. Tuy nhiên, các nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và cánh tả còn gặp nhiều khó khăn, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, tìm cách xoá bỏ chủ nghĩa xã hội.

- Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế,

chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

- Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, dân tộc.

- Nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo... Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các quốc gia, dân tộc.

Về tình hình trong nước, có các đặc điểm sau:

- Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen.

- Trong thời kỳ này có nhiều thuận lợi cơ bản: có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam; dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống

đoàn kết và nhân ái, cần cù lao động và sáng tạo, luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng; cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển.

2. Những nhiệm vụ, giải pháp cơ bản thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Để công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công, cần thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản sau:

Một là, xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Xây dựng và thực thi luật pháp bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường; đồng thời thực hiện tốt chính sách xã hội. Cùng với đó, cần có hệ thống cơ chế và chính sách phù hợp, đặc biệt là cơ chế, chính sách tài chính, tiền tệ nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của nền kinh tế; bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường.

Hai là, phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.

Coi trọng việc phát triển kinh tế tri thức, bảo đảm tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm; phát triển có chọn lọc công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim, hoá chất, công nghiệp quốc phòng. Cùng với đó, cần ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ; từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Đồng thời, chú ý phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao.

Ba là, phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh.

Phát triển khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP là một hướng quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cần tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, như: du lịch, hàng hải, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, y tế...; hình thành các trung tâm dịch vụ, du lịch có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; phát triển mạnh dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo

dục và đào tạo, văn hóa, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm và an sinh xã hội.

Bốn là, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển giáo dục và đào tạo.

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trình độ cao - yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Đặc biệt coi trọng phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, quản trị doanh nghiệp giỏi, lao động lành nghề và cán bộ khoa học, công nghệ đầu đàn. Chú ý đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề; thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội. Đồng thời, thực hiện tốt các chương trình, đề án đào tạo nhân lực trình độ cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

Năm là, tập trung phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững.

Hướng trọng tâm hoạt động khoa học và công nghệ vào phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm phát triển theo chiều sâu góp phần tăng nhanh năng suất, chất

lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ: nâng cao năng lực, đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, tăng cường hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ.